PHỤ LỤC 1
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU KINH TẾ-XÃ HỘI, AN NINH - QUỐC PHÒNG 8 THÁNG NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /8/2026 của UBND phường)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu năm 2026	Ước thực hiện tháng 8	Lũy kế 8 tháng	So sánh TH/KH	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
I	**NHÓM CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ**						
1	Thu NSNN trên địa bàn	trđ	2.525.355	56,000	2,907,961	115%	
1.1	*Thuế ngoài quốc doanh*	*trđ*	736.000	15,000	653,480	89%	
2	Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công	%	100	3.499	64,906	60.25%	
3	Tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn tăng so với năm 2025	%	11	-	11.41	103.7	
4	Số doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn	DN	1.750	1783	1783	101.80%	
	Số cơ sở sản xuất kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp	CSSX	08	12	12	150%	
II	**NHÓM CHỈ TIÊU QUẢN LÝ ĐÔ THỊ, ĐẤT ĐAI, TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG**						
5	Tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn tại đô thị	%	100	100	100	100	
6	Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt	%	100	100	100	100	
III	**NHÓM CHỈ TIÊU VĂN HÓA, XÃ HỘI**						
7	Chính quyền phường được công nhận đạt chuẩn "Chính quyền thân thiện"	Đạt					Đánh giá cuối năm
8	Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn đạt so với năm 2025	%	13				Đánh giá cuối năm
9	Tỷ lệ gia đình được công nhận gia đình văn hóa	%	96,7				Đánh giá cuối năm
	Tỷ lệ tổ dân phố văn hóa	%	85				Đánh giá cuối năm
	Xây mới, sửa chữa nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng	Nhà/ điểm	1				Đánh giá cuối năm
10	Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn Quốc gia	%	70	70,6	70,6	101	
11	Số hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	Hộ	0	0	0	0	
12	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	96,5	96	96	99%	
13	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc so với lực lượng lao động trong độ tuổi	%	54	54	54	100	
14	Trạm y tế phường đạt chuẩn Quốc gia theo Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã	Đạt	Đạt				Đánh giá cuối năm
IV	**CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**						

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu năm 2026	Ước thực hiện tháng 8	Lũy kế 8 tháng	So sánh TH/KH	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
15	Tỷ lệ giải quyết thủ tục hành chính đúng hạn	%	100	100	100	100	
	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	%	60	100	100	167	
16	Hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến	%	85	100	100	118	
17	Doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo.	DN	150	….			Đánh giá khi có hướng dẫn của thành phố
V	**QUỐC PHÒNG-AN NINH**						
18	Tỷ lệ giao quân nhập ngũ	%	100	100	100	100	
19	Mức giảm tỷ lệ số vụ phạm pháp	%	5	12	12	240	
	Tỷ lệ điều tra khám phá án	%	91	100	100	110	
	Tin báo tố giác tội phạm được tiếp nhận và giải quyết theo quy định	%	100	100	100	100	

PL 2A: ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH THÁNG 8/2026

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		THỰC HIỆN			% So sánh		Ghi chú
		TP giao	UBND phường phấn đấu	7 THÁNG	THÁNG 8	LŨY KẾ	TH/DT TP giao	TH/DT phấn đấu	
A	B	1	2	4		5=3+4	6=5/1	7=5/2	C
	Thu ngân sách trên địa bàn	**2,525,355**	**2,894,525**	**2,851,961**	**57,602**	**2,909,563**	**115%**	**101%**	
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý	287,065	294,000	438,078	1,500	439,578	153%	150%	
2	Thu từ khu vực DNNN địa phương	43,300	46,700	30,420	2,000	32,420	75%	69%	
3	Thu từ khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài	683,000	690,000	399,551	20,000	419,551	61%	61%	
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	736,165	737,000	638,480	15,000	653,480	89%	89%	
5	Thuế thu nhập cá nhân	490,980	509,000	354,545	10,000	364,545	74%	72%	
6	Thuế bảo vệ môi trường	1,580	1,600	-		-	-	-	
7	Lệ phí trước bạ	109,000	110,000	57,821	2,428	60,249	55%	55%	
8	Thu phí, lệ phí	19,020	19,800	19,242	200	19,442	102%	98%	
9	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	7,950	8,100	5,967	2,000	7,967	100%	98%	
10	Tiền cho thuê đất	2,510	3,000	16,122		16,122	642%	537%	
11	Thu tiền sử dụng đất	99,020	428,980	846,172	3,674	849,846	858%	198%	
12	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (nếu có)	20,000	20,000	14,777	300	15,077	75%	75%	
13	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	280	300	-		-	-	-	
14	Thu tiền sử dụng khu vực biển	150	170	-		-	-	-	
15	Thu khác ngân sách	13,270	13,300	30,512	500	31,012	234%	233%	
16	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế	65	75	274		274	422%	365%	
17	Thu thoái vốn tại DNNN do địa phương quản lý	12,000	12,500	-			-	-	

PHỤ LỤC 2B: ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH 8 THÁNG NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /8/2026 của UBND phường)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán 2026			ƯỚC THỰC HIỆN 8 THÁNG			SO SÁNH TH 8 tháng/DT giao		
		Tổng DT giao	*Trong đó*		Tổng	*Trong đó*		Tổng	*Trong đó*	
			Thuế TP	Thuê cơ sở		Thuế TP	Thuế cơ sở		Thuế TP	Thuê cơ sở
	THU NỘI ĐỊA	**2,525,355**	**1,740,605**	**784,750**	**2,909,563**	**1,427,262**	**1,482,301**	**115%**	**82%**	**189%**
	Trừ tiền sử dụng đất	***2,426,335***	***1,740,605***	***685,730***	***2,059,717***	***1,427,262***	***632,455***	**85%**	**82%**	**92%**
	Trừ tiền sử dụng đất và thuê đất	***2,423,825***	***1,740,595***	***683,230***	***2,043,595***	***1,412,704***	***630,891***	**84%**	**81%**	**92%**
1	Khu vực doanh nghiệp trung ương	287,065	285,165	1,900	439,578	438,024	1,554	153%	154%	82%
2	Khu vực doanh nghiệp địa phương	43,300	42,500	800	32,420	30,576	1,844	75%	72%	231%
3	Khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN	683,000	667,000	16,000	419,551	401,034	18,517	61%	60%	116%
4	Khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	736,165	326,165	410,000	653,480	225,398	428,082	89%	69%	104%
5	Thuế thu nhập cá nhân	490,980	359,980	131,000	364,545	252,778	111,767	74%	70%	85%
6	Thuế bảo vệ môi trường	1,580	1,000	580	-	-		-	-	-
7	Lệ phí trước bạ	109,000		109,000	60,249	-	60,249	55%		55%
8	Phí - Lệ phí	19,020	13,020	6,000	19,442	17,441	2,001	102%	134%	33%
9	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	7,950		7,950	7,967	1,090	6,877	100%		87%
10	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	2,510	10	2,500	16,122	14,558	1,564	642%	145580%	63%
11	Thu tiền sử dụng đất	99,020		99,020	849,846	-	849,846	858%		858%
12	Thu từ hoạt động xổ số	20,000	20,000		15,077	15,077		75%	75%	
13	Thu tiền CQKT khoáng sản, tài nguyên nước	280	280		-	-		-	-	
14	Thu tiền sử dụng khu vực biển	150	150		-	-		-	-	
15	Thu khác ngân sách	13,270	13,270		31,012	31,012		234%	234%	
16	Thu cổ tức, LN được chi và LNST	65	65		274	274		422%	422%	
17	Thu từ nguồn thoái vốn tại DNNN do địa phương quản lý	12,000	12,000			-		-	-	

PHỤ LỤC 3: TIẾN ĐỘ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG 8 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /8/2026 của UBND phường)

ST	DỰ ÁN	CHỦ TRƯƠNG/ QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT DỰ ÁN	THÔNG TIN CHUNG			KẾT QUẢ GPMB ĐẾN			KẾT QUẢ 8 THÁNG
			DIỆN TÍCH (M2)	SỐ TỔ CHỨC	SỐ HỘ	DIỆN TÍCH (M2)	SỐ TỔ CHỨC	SỐ HỘ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Dự án ĐTXD hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đồng Quốc Bình (giai đoạn 2)	- Quyết định số 32A/QĐ-UBND ngày 04/6/2018 của UBND thành phố phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án - Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 10/2/2023 của UBND thành phố phê duyệt Dự án	83.000	12	1.517	14.515	9	1.367	1. Khu vực 34 chung cư (1225 hộ dân): - Đã nhận tiền: 1197/1225 hộ. Chưa nhận tiền: 28/1225 hộ. - Chưa hoàn thành việc di dời: 83/1225 hộ 2. Đối với khu vực thu hồi đất: a. Đối với khu vực thu hồi đất: Tổng: 292 hộ 1) 252/292 hộ đã nhận tiền (226 hộ đã phá dỡ, 26 hộ chưa phá dỡ). 2) 40/292 chưa nhận tiền. b. Đối với trường hợp xử phạt VPHC: 34 hộ vi phạm hành chính, đã xây dựng nhà để ở: đã lập biên vi phạm hành chính đối với 34 hộ; đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 24/34 hộ, 10 hộ còn lại chưa ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. c. Đối với các tổ chức: 03 tổ chức chưa chấp hành nhận tiền và bàn giao mặt bằng: Công ty Cổ phần thành viên Samnec 2, Trung tâm Phát triển quỹ đất thuộc Sở TNMT cũ (nay là Sở Nông nghiệp và Môi Trường; Công an thành phố (15 Nguyễn Bỉnh): Công an thành phố Hải Phòng (Phòng Xây dựng và Môi trường đã cung cấp đầy đủ các hồ sơ theo yêu cầu, Công an phường đang xin ý kiến lãnh đạo Công an thành phố về việc cung cấp số tài khoản và bàn giao mặt bằng).
2	Dự án ĐTXD cải tạo hè đường Nguyễn Bỉnh Khiêm, Lê Lợi và một số tuyến đường nội đô thành phố	- Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố quyết định chủ trương đầu tư Dự án; - Quyết định số 2378/QĐ-UBND ngày 12/7/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Dự án.	18.684,5 (1.86HA)	0	213	2.1	0	0	1. Về kết quả kiểm đếm: - Đã kiểm kê được 140/224 thửa đất, tương ứng với 138/213 hộ dân phối hợp. 2. Về nguồn gốc sử dụng đất: là đất giao thông, thủy lợi do UBND phường Đằng Giang (nay là phường Gia Viên) quản lý, sử dụng vào các mục đích công cộng. 3. Về thời điểm xây dựng nhà, công trình gắn liền với đất: Căn cứ theo quy định tại Khoản 8 Điều 9 Quyết định số 17/2026/QĐ-UBND ngày 17/3/2026 của UBND thành phố: - Công trình, vật kiến trúc xây dựng trước ngày 01/7/2004: hỗ trợ 30% giá trị hiện có của nhà, công trình bị thiệt hại. - Công trình, vật kiến trúc xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến ngày 01/7/2014: hỗ trợ 10% giá trị hiện có của nhà, công trình bị thiệt hại. 4. Về việc cho thuê nhà thuộc tài sản công: Ngày 18/5/2026, UBND thành phố có Văn bản số 5522/VP-XDCT đồng ý chủ trương sử dụng quỹ nhà thuộc tài sản công tại Khu chung cư Đông Khê để bố trí cho các hộ dân đủ điều kiện theo quy định được thuê nhà; không xem xét bố trí cho thuê nhà ở chung cư đối với các hộ dân không đồng thuận, phải tổ chức cưỡng chế thu hồi đất. - Về việc xác minh tình trạng ăn ở thực tế của hộ dân: UBND phường đã có các Văn bản số: 2454/UBND-XDMT ngày 03/7/2026, 2997/UBND-XDMT ngày 04/8/2026, 3119/UBND-XDMT ngày 10/8/2026 gửi Công an phường đề nghị xác minh tình trạng ăn ở thực tế của các hộ dân. - Ngày 06/8/2026, Văn phòng UBND thành phố đã có Công văn số 9900/VP-XDCT gia hạn nhiệm vụ giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án trong tháng 11/2026. - Ngày 14/8/2026, UBND phường Gia Viên có Văn bản số 3234/UBND-XDMT đề nghị rà soát, xác minh nơi ở khác đối với các hộ đã được Công an phường xác minh ăn ở thực tế tại nơi có đất thu hồi (gửi Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND các xã phường, đặc khu trên địa bàn thành phố). - Đã GPMB 2100m (phần đất giao thông do UBND phường quản lý)